

V/v: Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng/năm 2026
Re: Report on Corporate Governance 6 months/2026

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026
Hanoi, July 29, 2026

CÔNG TY
CỔ PHẦN
VINAFCO

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

PERIODIC DISCLOSURE OF INFORMATION

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
VINAFCO
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
VINAFCO, L=Thanh Trì, ST=HÀ NỘI,
UID=MST:0100108504
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.07.29 16:13:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.2

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vinafco

Name of company : Vinafco Joint Stock Corporation

Mã chứng khoán : VFC

Stock symbol

Trụ sở chính : Thôn Tự Khoát, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address of Head Office : Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Viet Nam

Điện thoại/Tel: : (84-4) 37684464

Fax : (84-4) 37684465

Người thực hiện công bố thông tin : Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Person responsible for information disclosure : Mr. Nguyen Xuan Thinh

Chức vụ : Trưởng phòng Pháp chế

Position : Head of Legal Department

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Type of disclosure: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Requirement ☐ Extraordinary ☒ Periodic

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Vinafco công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng/năm 2026.

Content of information disclosure: Vinafco Joint Stock Corporation announces Report on Corporate Governance 6 months/in 2026.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Vinafco, tại địa chỉ: <https://vinafco.com.vn/>.

This information is disclosed on the website of Vinafco Joint Stock Corporation at the address: <https://vinafco.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information disclosed above is truthful and we take full responsibility before the law for the content of information disclosure.

Tài liệu gửi kèm: Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng/năm 2026.

Attached Document: Report on Corporate Governance 6 months/ in 2026.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như Kính gửi;
As addressed;
- Lưu VP;
Archive at HO;

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON RESPONSIBLE FOR INFORMATION DISCLOSURE



Nguyễn Xuân Thịnh

Số/ No.: 0701/2026/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Hanoi, July 29 2026

BÁO CÁO

Tình hình quản trị Công ty

(06 tháng/Năm 2026)

REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(06 months/In 2026)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - *The State Securities Commission;*
- *The Stock Exchange.*

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
Name of Company: VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address of head office: Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam
- Điện thoại/Tel: (84-24) 3768 5775 Fax: (84-24) 3768 4465
Email: info@vinafco.com.vn
- Vốn điều lệ: 340.000.000.000 Đồng
Charter capital: 340.000.000.000 VND
- Mã chứng khoán/ Stock symbol : VFC
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Supervisory Committee, General Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.
The implementation of internal audit: Implemented.



I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Information on meetings, Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1.	Nghị quyết số 0601/2026/NQ-ĐHĐCĐ Resolution No. 0601/2026/NQ-ĐHĐCĐ	11/06/2026	1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. <i>Approved the business performance in 2025.</i> 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán. <i>Approved the audited financial statement for fiscal year 2025.</i> 3. Thông qua kế hoạch kinh doanh và ngân sách năm 2026. <i>Approved the business and budget plan for 2026.</i> 4. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026. <i>Approved the operations report of the Board of Directors in 2025 and plan for 2026.</i> 5. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026. <i>Approved the operation of Supervisory Committee in 2025 and plan for 2026.</i>

			6. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2025. <i>Approved the 2025 profit distribution plan.</i> 7. Phê duyệt quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025. <i>Approved the settlement of remuneration of the Board of Directors, Supervisory Committee in 2025 and the remuneration payment plan of the Board of Directors, Supervisory Committee in 2026.</i> 8. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027. <i>Approved the dismissal and election of additional members of the Board of Directors, and dismissal and election of additional members of the Supervisory Committee for the 2022–2027 term.</i> 9. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027. <i>Approved the results of the election of additional members of the Board of Directors and the Supervisory Committee for the 2022–2027 term.</i>
--	--	--	---

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng /Năm 2026):

Board of Directors (Report for 06 months/In 2026)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Information about the members of the Board of Directors:

STT No.	Thành viên HĐQT Board of Directors' members	Chức vụ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
1.	Ông/ Mr. Nguyễn Thái Hòa	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD	25/4/2022	
2.	Ông/ Mr. Niibayashi Naoki	Phó Chủ tịch Deputy Chairman of the BOD	15/05/2024	
3.	Ông/ Mr. Đặng Lưu Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành Non-Executive Member of BOD	01/12/2018	
4.	Ông/ Mr. Takahashi Shinichi	Thành viên HĐQT không điều hành Non-Executive Member of BOD	25/4/2022	
5.	Ông/ Mr. Lý Lâm Duy	Thành viên HĐQT không điều hành Non-Executive Member of BOD	25/4/2022	11/6/2026
6.	Ông/ Mr. Nguyễn Đức Vũ	Thành viên HĐQT không điều hành Non-Executive Member of BOD	11/6/2026	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1.	Ông/Mr. Nguyễn Thái Hòa	03	100%	
2.	Ông/ Mr. Niibayashi Naoki	03	100%	
3.	Ông/ Mr. Đặng Lưu Dũng	03	100%	
4.	Ông/ Mr. Takahashi Shinichi	03	100%	
5.	Ông/ Mr. Lý Lâm Duy	02	67%	Miễn nhiệm thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 11/06/2026 <i>Dismissal of the member of the Board of Directors at the AGM on June 11, 2026</i>
6.	Ông/ Mr. Nguyễn Đức Vũ	01	33%	Bổ nhiệm thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 11/06/2026 <i>Appointment of the member of the Board of Directors at the AGM on June 11, 2026</i>

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành.

Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

HĐQT ghi nhận nỗ lực của Ban điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và công tác quản lý nói chung. Về công tác phối hợp giữa Ban điều hành và Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng yêu cầu đề ra. Ngoài ra, Ban điều hành Công ty đã thực hiện công tác điều hành công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

The Board of Directors acknowledges the efforts of the Company's Executive Board in managing business operations and overall administration. Regarding the coordination between

the Executive Board and the Board of Directors, it has been carried out in accordance with the established requirements. Additionally, the Executive Board has conducted the company's operations in compliance with the provisions of the Enterprise Law, the Company's Charter, and other legal regulations, ensuring the legitimate interests of the Company and its shareholders.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có

Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): None

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm 2026) :

Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/ annual report in 2026):

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 0101/2026/NQ- HĐQT	20/01/2026	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 20/01/2026 <i>Resolution of the Board of Directors meeting on January 20, 2026</i>	100%
2.	QĐ số/ <i>Decision</i> <i>No.</i> 010101/2026/Q Đ-HĐQT	20/01/2026	Phê duyệt trích thêm lương bổ sung năm 2025 <i>Approval of additional supplementary salary allocation for 2025</i>	100%
3.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 0201/2026/NQ- HĐQT	24/02/2026	Phê duyệt việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh cho Công ty Cổ phần Vinafco – Chi nhánh miền Nam <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Approval of adding business lines for Vinafco Joint Stock Corporation – Southern Branch</i> <i>(Approval by written consultation)</i>	100%
4.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 0301/2026/NQ- HĐQT	27/03/2026	Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2025 của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco (T&S), Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (VLC), Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung (VFC Central), Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình	100%



STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			Dương (VFC Bình Dương) (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Approval of the 2025 profit distribution plan of Vinafco Transportation and Services Co., Ltd (T&S), Vinafco Logistics Company Limited (VLC), Vinafco Central Region Transportation and Services Co., Ltd (VFC Central), Vinafco Binh Duong One Member Co., Ltd (VFC Binh Duong) (Approval by written consultation)	
5.	QĐ số/ Decision No. 030101/2026/Q Đ-HĐQT	27/03/2026	Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2025 của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco (T&S) (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Approval of the 2025 profit distribution plan of Vinafco Transportation and Services Co., Ltd (T&S) (Approval by written consultation)	100%
6.	QĐ số/ Decision No. 030102/2026/Q Đ-HĐQT	27/03/2026	Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2025 của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Approval of the 2025 profit distribution plan of Vinafco Logistics Company Limited (Approval by written consultation)	100%
7.	QĐ số/ Decision No. 030103/2026/Q Đ-HĐQT	27/03/2026	Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2025 của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)	100%



STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			Approval of the 2025 profit distribution plan of Vinafco Central Region Transportation and Services Co., Ltd (Approval by written consultation)	
8.	QĐ số/ Decision No. 030104/2026/QĐ-HĐQT	27/03/2026	Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương (VFC Bình Dương) (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Approval of the 2025 profit distribution plan of Vinafco Binh Duong One Member Co., Ltd (VFC Binh Duong) (Approval by written consultation)	100%
9.	NQ số/ Resolution No. 0401/2026/NQ-HĐQT	07/04/2026	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 07/04/2026 Resolution of the Board of Directors meeting on April 07, 2026	100%
10.	QĐ số/ Decision No. 040101/2026/QĐ-HĐQT	07/04/2026	Phê duyệt một số nội dung liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Approval of some content related to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders	100%
11.	QĐ số/ Decision No. 040102/2026/QĐ-HĐQT	07/04/2026	Phê duyệt việc điều chỉnh thu nhập đối với chức danh Giám đốc phát triển kinh doanh mảng khách hàng Nhật Bản Approval of the adjustment to the compensation package for the Director of Business Development in charge of the Japanese client segment	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
12.	NQ số/ Resolution No. 0402/2026/NQ- HĐQT	07/04/2026	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 07/04/2026 về việc phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2026-2027 <i>Resolution of the Board of Directors meeting on approval of credit limit for working capital loan in 2026-2027</i>	100%
13.	QĐ số/ Decision No. 040201/2026/Q Đ-HĐQT	07/04/2026	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2026-2027 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội <i>Approval of bank facilities for working capital in 2026-2027 at Military Commercial Joint Stock Bank</i>	100%
14.	QĐ số/ Decision No. 040202/2026/Q Đ-HĐQT	07/04/2026	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2026-2027 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <i>Approval of bank facilities for working capital in 2026-2027 at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade</i>	100%
15.	QĐ số/ Decision No. 040203/2026/Q Đ-HĐQT	07/04/2026	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2026-2027 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <i>Approval of bank facilities for working capital in 2026-2027 at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank</i>	100%
16.	QĐ số/ Decision No. 040204/2026/Q Đ-HĐQT	07/04/2026	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2026-2027 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <i>Approval of bank facilities for working capital in 2026-2027 at Vietnam Joint Stock</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>Commercial Bank for Industry and Trade</i>	
17.	QĐ số/ Decision No. 040205/2026/Q Đ-HĐQT	07/04/2026	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2026-2027 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội <i>Approval of bank facilities for working capital in 2026-2027 at Military Commercial Joint Stock Bank</i>	100%
18.	NQ số/ Resolution No. 0501/2026/NQ- HĐQT	12/05/2026	Phê duyệt nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Approval of the contents of the meeting materials for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i> (Approval by written consultation)	100%
19.	NQ số/ Resolution No. 0601/2026/NQ- HĐQT	09/06/2026	Phê duyệt miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự của Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco; Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Approval of dismissal and appointment of personnel of Vinafco Logistics Company Limited; Changing of legal representative of Vinafco Logistics Company Limited</i> (Approval by written consultation)	100%
20.	QĐ số/ Decision No. 060101/2026/Q Đ-HĐQT	09/06/2026	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc của Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco; Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			Dismissal of Director of Vinafco Logistics Company Limited; Changing of legal representative of Vinafco Logistics Company Limited (Approval by written consultation)	
21.	QĐ số/ Decision No. 060102/2026/QĐ-HĐQT	09/06/2026	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc của Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco; Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Appointment for the Director position of Vinafco Logistics Company Limited; Changing of legal representative of Vinafco Logistics Company Limited (Approval by written consultation)	100%
22.	NQ số/ Resolution No. 0602/2026/NQ-HĐQT	11/06/2026	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 11/06/2026 Resolution of the Board of Directors meeting on June 11, 2026	100%
23.	QĐ số/ Decision No. 0603/2026/QĐ-HĐQT	30/06/2026	Bổ nhiệm lại chức danh Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vinafco Reappointment to the position of the General Director of Vinafco Joint Stock Corporation	100%
24.	QĐ số/ Decision No. 0604/2026/QĐ-HĐQT	30/06/2026	Mức bổ sung hiệu quả dự kiến của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafco Re: Projected performance supplement for General Director of Vinafco Joint Stock Corporation	100%



III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm 2026)

Supervisory Committee (Semi-annual report/ annual report 2026)

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

Information about members of Supervisory Committee

STT No.	Thành viên BKS <i>Members of the Supervisory Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date becoming/ceasing to be the member of the SC</i>		Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>	
1.	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Huyền Oanh	Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Committee</i>	25/4/2022		Cử nhân kế toán kiểm toán <i>Bachelor of Accounting - Auditing</i>
2.	Bà/Mrs. Trần Thị Nhưường	Thành viên <i>Member</i>	25/4/2022		Thạc sỹ luật học <i>Master of Law</i>
3.	Bà/ Mrs. Trần Thị Thu Hương	Thành viên <i>Member</i>	25/4/2022	11/6/2026	Cử nhân kế toán kiểm toán <i>Bachelor of Accounting - Auditing</i>
4.	Bà/ Mrs. Tạ Thị Thu Hương	Thành viên <i>Member</i>	11/6/2026		Cử nhân kế toán <i>Bachelor of Accounting</i>

2. Cuộc họp của BKS:

Meetings of Supervisory Committee

STT No.	Thành viên BKS <i>Member of Supervisory Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1.	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Huyền Oanh	02	3/3	100%	
2.	Bà/ Mrs. Trần Thị Nường	02	3/3	100%	
3.	Bà/ Mrs. Trần Thị Thu Hương	02	3/3	100%	
4.	Bà/ Mrs. Tạ Thị Thu Hương				Bầu bổ sung thay thế bà Trần Thị Thu Hương tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 11/06/2026 <i>Electing a replacement for Ms. Tran Thi Thu Huong at the AGM on June 11, 2026</i>

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành cũng như sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Supervisory activities of the Supervisory Committee over the Board of Directors and the Management Board, as well as the coordination between the Supervisory Committee and the activities of the Board of Directors, the Management Board, and other managers.

- a. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

Evaluation of the activities of the Board of Directors:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp, cách thức Hội đồng quản trị trao đổi trước khi đưa ra quyết định, ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

The Supervisory Committee supervises the Board of Directors through meetings and how the Board of Directors consults before making decisions and promulgating resolutions of the Board of Directors.

- Các nội dung quan trọng đều được các thành viên HĐQT thảo luận công khai, dân chủ trong cuộc họp Hội đồng quản trị. Mọi vấn đề đều được các thành viên HĐQT thảo luận thấu đáo, xem xét đánh giá cân trọng mọi khía cạnh của vấn đề trước khi ra Nghị quyết.

Important contents are discussed openly and democratically by members of the Board of Directors at the Board of Directors' meeting. All issues are thoroughly discussed by members of the Board of Directors, carefully considering, and evaluating all aspects of the issue before making a Resolution.

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vào ngày 11/06/2026. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, kế hoạch kinh doanh do HĐQT và Ban điều hành lập đã được thông qua;

The Board of Directors of the Company successfully held the 2026 Annual General Meeting of Shareholders on June 11, 2026. At the 2026 Annual General Meeting of Shareholders, the business plan prepared by the Board of Directors and the Executive Board was approved;

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

During the performance of its duties, the Supervisory Committee was provided with all favorable conditions by the Corporation's Board of Directors to complete its tasks.

- Ban Kiểm soát Công ty được HĐQT mời tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ của HĐQT.

The Supervisory Committee of the Company was invited by the Board of Directors to attend all regular meetings of the Board of Directors.

b. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

Evaluation of the performance of the Executive Board and other management staff

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như cơ chế phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được quy định trong quy chế, quy định của Công ty.

The Supervisory Committee supervises the activities of the Executive Board by ensuring compliance with the Resolutions of the Board of Directors, as well as the delegation mechanism between the Board of Directors and the General Director as stipulated in the Corporation's regulations and policies.

- Ban điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

The Executive Board consistently adheres to and strictly implements the Resolutions issued by the Board of Directors.

- Ban điều hành thực hiện báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong đó thể hiện mọi vấn đề trọng yếu về hoạt động tài chính cũng như hệ thống kế toán và các vấn đề lớn phát sinh cần quan tâm trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

The Executive Board submits quarterly business performance reports to the Board of Directors and the Supervisory Committee, which reflect all significant issues related to financial operations, the accounting system, and major concerns arising in the Corporation's business activities.

- Ban kiểm soát đã thực hiện xem xét báo cáo tài chính quý và cả năm trên cơ sở báo cáo tài chính do Công ty lập và kết quả kiểm toán BCTC 6 tháng và BCTC cả năm 2025 của Công ty kiểm toán độc lập.

The Supervisory Committee has reviewed the quarterly and annual financial statements based on the financial statements prepared by the company and the audit results of the 6-month financial statements and the full year 2025 financial statements of the independent auditing company.

Kết quả giám sát/Monitoring results:

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua;

The Board of Directors has closely supervised and promptly directed the Executive Board in production and business operations, supervising the implementation of the approved Resolution of the General Meeting of Shareholders;

- Các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, hoàn toàn tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;

The Resolutions issued by the Board of Directors were in accordance with their functions, authority and in accordance with the Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders, and fully complied with the Enterprise Law, the Company's Charter, and relevant legal regulations.

- HĐQT đã tiến hành họp định kỳ và bất thường theo quy định pháp luật;

The Board of Directors conducted regular and extraordinary meetings as required by law;

- Báo cáo tài chính năm 2026 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành; phản ánh trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.

The financial statements in the year 2026 are prepared and presented honestly, in accordance with Vietnamese accounting standards and current regulations; Honestly reflects the financial situation and business operations of the Company.

- Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

The Supervisory Committee has not received any requests from shareholders or groups of shareholders to review the Company's operations, the management of the Board of Directors and the General Director of the Company.

- Ban kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban điều hành dẫn tới rủi ro cho Công ty.

The Supervisory Committee did not detect anything unusual in the management and operation of the Executive Board that led to risks for the Company.

- c. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các bộ quản lý khác

Coordination between the Supervisory Committee and the Board of Directors, the Executive Board and other management departments

- BKS đã nhận được sự phối hợp, hợp tác tốt từ HĐQT và Ban điều hành. Ban điều hành và các cán bộ quản lý tại các phòng ban trong Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS;

The Supervisory Committee has received good coordination and cooperation from the Board of Directors and the Executive Board. The Executive Board and management staff in the Company's departments have created favorable conditions in terms of facilities as well as provided full information and documents for the Supervisory Committee inspection and supervision work;

- Hoạt động của BKS được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty;

The Supervisory Committee activities are carried out by the law, the Company's Charter, and the Resolutions of the Company's General Meeting of Shareholders;

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

Other activities of the Supervisory Committee: None

IV. Ban điều hành

Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Member of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/ dismissal of members of the Board of Management</i>	
				Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1.	Ông/Mr. Bùi Minh Hưng Tổng Giám đốc <i>General Director</i>	21/09/1977	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển <i>Marine Transportation Economics Engineer</i> Cử nhân ngoại ngữ - Tiếng anh <i>Bachelor of Foreign Languages - English</i>	01/07/2024	
2.	Ông/ Mr. Nguyễn Huy Dương Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	13/02/1979	Cử nhân kinh tế công nghiệp <i>Bachelor of Industrial Economics</i>	22/08/2024	
3.	Ông/Mr. Nguyễn Minh Đạt Giám đốc Tài chính <i>Chief Financial Officer</i>	21/09/1994	Cử nhân kinh tế đối ngoại <i>Bachelor of International Economics</i>	15/03/2025	



V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>
Bà/ Mrs. Lê Thị Minh Phương	04/9/1975	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán kiểm toán <i>Bachelor of Economics, major in Accounting - Auditing</i>	17/5/2016

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Training courses on corporate governance:

- Hoạt động đào tạo về công tác quản trị luôn được Công ty chú trọng để nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vinafco;

Training activities on governance are always prioritized by Vinafco Joint Stock Corporation to enhance the efficiency of its corporate governance.

- Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty. Công ty đã tạo điều kiện để nhân sự tham gia các khoá đào tạo, hội thảo về quản trị công ty, về luật doanh nghiệp, luật chứng khoán do Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức cũng như tham dự các khoá học ngắn hạn thuộc lĩnh vực liên quan khác.

The training programs on corporate governance attended by members of the Board of Directors, members of the Supervisory Committee, the General Director, other managers, and the Company Secretary in accordance with regulations on corporate governance. The company has facilitated personnel participation in training courses and seminars on corporate governance, corporate law, and securities law organized by the State Securities Commission, and the Hanoi Stock Exchange, as well as short-term courses in other relevant fields.

VII. Danh sách người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty:

The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/ annual report) and transactions of affiliated persons of the Company:

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty

The list of affiliated persons of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>No. NSH; date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
1.	Ông/Mr. Nguyễn Thái Hòa		Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board</i>			25/4/2022		Được bầu làm Chủ tịch HĐQT theo Nghị quyết số 033/2022/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 và Nghị quyết số 035/2022/ NQ – HĐQT (nhiệm kỳ 2022-2027) <i>Elected as Chairman of the Board according to Resolution No 033/2022/NQ- ĐHĐCĐ dated April 25, 2022, Resolution No 035/2022/ NQ – HĐQT dated April 25, 2022 (term 2022-2027)</i>	Người nội bộ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
2.	Ông/Mr. Takahashi Shinichi		Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors			25/4/2022		Được bầu làm Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022-2027) Elected as BOD Member according to Resolution No 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022 (term 2022-2027)	Người nội bộ Internal person
3.	Ông/Mr. Đặng Lưu Dũng		Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors			1/12/2018		Được bầu làm Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022-2027) Elected as BOD Member according to Resolution No 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022 (term 2022-2027)	Người nội bộ Internal person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>No. NSH; date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
4.	Ông/Mr. Lý Lâm Duy		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			25/4/2022	11/6/2026	Được bầu làm Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 033/2022/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022-2027) Miễn nhiệm Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 0601/2026/NQ- ĐHĐCĐ ngày 11/6/2026 <i>Elected as BOD Member according to Resolution No 033/2022/NQ- ĐHĐCĐ dated April 25, 2022 (term 2022-2027) Dismissal of BOD Member according to Resolution No. 0601/2026/NQ- ĐHĐCĐ dated June 11, 2026</i>	Người nội bộ <i>Internal person</i>
5.	Ông/Mr. Niibayashi		Phó Chủ tịch HĐQT			15/5/2024		Được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT	Người nội bộ <i>Internal</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>No. NSH; date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
	Naoki		<i>Vice Chairman of Board of Directors</i>					theo Nghị quyết số 050301/2024/NQ- HĐQT ngày 15/4/2024 (nhiệm kỳ 2022-2027) <i>Elected as Vice Chairman of the BOD according to Resolution No 050301/2024/NQ- HĐQT dated April 15, 2024 (term 2022-2027)</i>	<i>person</i>
6.	Ông/ Mr. Nguyễn Đức Vũ		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			11/6/2026		Được bầu làm Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 0601/2026/NQ- ĐHĐCĐ ngày 11/6/2026 (nhiệm kỳ 2022-2027) <i>Elected as BOD Member according to Resolution No 0601/2026/NQ- ĐHĐCĐ dated June 11, 2026 (term 2022-2027)</i>	Người nội bộ <i>Internal person</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>No. NSH; date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
7.	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Huyền Oanh		Trưởng BKS <i>Head of Supervisory Committee</i>			25/4/2022		Được bầu làm Trưởng BKS theo Nghị quyết số 033/2022/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 và Biên bản họp số 01/2022/BB-BKS ngày 25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022- 2027) <i>Elected as Head of the SC according to Resolution No. 033/2022/NQ- ĐHĐCĐ dated April 25, 2022, and Meeting Minutes No. 01/2022/BB- BKS dated April 25, 2022 (term 2022-2027)</i>	Người nội bộ <i>Internal person</i>
8.	Bà/Mrs. Trần Thị Nhường		Thành viên BKS <i>Member of Supervisory Committee</i>			25/4/2022		Được bầu làm Thành viên BKS theo Nghị quyết số 033/2022/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 (nhiệm	Người nội bộ <i>Internal person</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								kỳ 2022-2027) Elected as Head of the SC according to Resolution No. 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022 (term 2022-2027)	
9.	Bà/Mrs. Trần Thị Thu Hương		Thành viên BKS Member of Supervisory Committee			25/4/2022	11/6/2026	Được bầu làm Thành viên BKS theo Nghị quyết số 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022-2027) Miễn nhiệm Thành viên BKS theo Nghị quyết số 0601/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2026 Elected as Head of the SC according to Resolution No. 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022 (term 2022-2027)	Người nội bộ Internal person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								Dismissal of SC Member according to Resolution No. 0601/2026/NQ-ĐHĐCĐ dated June 11, 2026	
10.	Bà/Mrs. Tạ Thị Thu Hương		Thành viên BKS Member of Supervisory Committee			11/6/2026		Được bầu làm Thành viên BKS theo Nghị quyết số 0602/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2026 Elected as Head of the SC according to Resolution No. 0602/2026/NQ-ĐHĐCĐ dated June 11, 2026 (term 2022-2027)	Người nội bộ Internal person
11.	Ông/ Mr. Bùi Minh Hưng		Tổng giám đốc General Director			01/7/2024		Được bổ nhiệm Tổng Giám đốc theo Quyết định số 060205/2024/ QĐ-HĐQT ngày 17/06/2024 Appointed as General Director according to	Người nội bộ Internal person



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								Decision No. 060205/2024/ QĐ-HĐQT dated June 17, 2024	
12.	Ông/ Mr. Nguyễn Huy Dương		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director			22/8/2024		Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc theo Quyết định số 080101/2024/ QĐ-HĐQT ngày 22/8/2024 Appointed as Deputy General Director according to Decision No. 080101/2024 /QĐ-HĐQT dated August 22, 2024	Người nội bộ Internal person
13.	Ông/ Mr. Nguyễn Minh Đạt		Giám đốc Tài chính Chief Financial Officer			15/03/2025		Được bổ nhiệm Giám đốc Tài chính theo Quyết định số 030106/2025/ QĐ-HĐQT ngày 12/03/2025 Appointed as Chief Financial Officer	Người nội bộ Internal person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								(CFO) according to Decision No. 030106/2025/QĐ-HDQT dated March 12, 2025	
14.	Ông/ Mr. Nguyễn Trường Minh		Giám đốc khối hỗ trợ vận hành Director of Operation Support			13/06/2024		Được bổ nhiệm Giám đốc khối hỗ trợ vận hành Appointed as Director of Operation Support	Người quản lý Enterprise Manager
15.	Bà/ Mrs. Lê Thị Minh Phương		Kế toán trưởng Chief Accountant			17/5/2016		Được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Appointed as Chief Accountant	Người nội bộ Internal person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
16.	Ông/ Mr. Nguyễn Xuân Thịnh		Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin Corporate Governance Officer and Authorized Disclosure Representative			17/01/2025		Được bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin theo Quyết định số 010402/2025/ QĐ-HĐQT ngày 17/01/2025 Appointed as Corporate Governance Officer and Authorized Disclosure Representative according to Decision No. 010401/2025/QĐ-HDQT dated January 17, 2025	Người nội bộ Internal person
17.	Bà/Mrs. Nguyễn Thuý		Thư ký Công ty			05/04/2024		Được bổ nhiệm Thư ký Công ty	Người nội bộ Internal



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
	Hà		Company Secretary					theo Quyết định số 030102/2024/QĐ-HĐQT ngày 28/03/2024 Appointed as Company Secretary according to Decision No. 030102/2024/QĐ-HĐQT dated March 28, 2024	person
18.	Công ty cổ phần Logistics ASG ASG Logistics Joint Stock Company					27/05/2022			Công ty mẹ (sở hữu 51,59%) Parent Company (51.59% ownership)
19.	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG ASG			ĐKDN số 0104960269 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/10/2010	Khu dịch vụ logistics, Cảng HK Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	27/05/2022			Công ty mẹ gián tiếp Indirect Parent

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>No. NSH; date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
	Corporation			Enterprise Registration Certificate No. 0104960269 issued on October 22, 2010, by Hanoi Department of Planning and Investment	Logistics Service area, Noi Bai Ward, Soc Son District, Hanoi City, Vietnam				Company
20.	Công ty TNHH Vận tải ASG ASG Transport Company Limited			ĐKDN số 4601547193 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/10/2019 Enterprise Registration Certificate No. 4601547193 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on October 29, 2019	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company
21.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn Sai Gon Airfield Services Joint Stock			ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 Enterprise Registration Certificate No. 0107372515 issued by Hanoi Department of	Khu Dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Logistics Service Area, Noi Bai International	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
	Company			Planning and Investment on March 25, 2016	Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam				
22.	Công ty Cổ phần Logistics Vietair Vietair Logistics Joint Stock Company			ĐKDN số 0314023199 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2016 Enterprise Registration Certificate No. 0314023199 issued by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on September 21, 2016	Tầng 01, Tòa Nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh Floor 01, Hai Au Building, 39B Truong Son Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City.	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company
23.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh Cam Ranh International Airport services JSC			ĐKDN số 4200810665 do Sở KHĐT Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20/1/2009 Enterprise Registration Certificate No. 4200810665 issued by Khanh Hoa Province Department of Planning and Investment on January 20, 2009	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam Cam Ranh International Airport, Bac Cam Ranh Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam	27/5/2022			Doanh nghiệp liên quan của thành viên HĐQT Related company of the member of the Board of Directors

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
24.	Công ty TNHH Dịch vụ hàng không ASG ASG Aviation Services Co., Ltd			ĐKDN số 010924004 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 24/06/2020 Enterprise Registration Certificate number Hanoi Department of Planning and Investment on June 24, 2020	Khu Dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City.	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company
25.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Vinafco Logistics Company Limited			ĐKDN số 0106641275 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/7/2003 Enterprise Registration Certificate No. 0106641275 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on July 22, 2003	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 33C Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City, Vietnam	22/7/2003			Công ty con do VFC sở hữu 100% Ông Bùi Minh Hưng – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của VFC đồng thời là Chủ tịch Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco VFC 100% owned subsidiary

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Mr. Bui Minh Hung – General Director, Legal Representative of VFC, concurrently Chairman of Vinafco Logistics Co., Ltd
26.	Ông/ Mr. Phạm Hoàng Lâm					12/06/2026		Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 17, ngày 12/06/2026 According to the 17th Amended Enterprise Registration Certificate dated December 27, 2025	Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Director, Legal Representative of Vinafco Logistics Co., Ltd.
27.	Ông/ Mr. Phạm Kiên					23/12/2024	12/06/2026	Miễn nhiệm Giám đốc, Người đại	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
	Cường							diện theo pháp luật Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Dismissal Director, Legal Representative of Vinafco Logistics Co., Ltd	
28.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transport and Services Company Limited					16/1/2006			Công ty con do VFC sở hữu 100% Ông Bùi Minh Hưng – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của VFC đồng thời là Chủ tịch Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco VFC 100%

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									owned subsidiary Mr. Bui Minh Hung – General Director, Legal Representative of VFC, concurrently Chairman of Vinafco Transportation and Services Co., Ltd
29.	Ông/ Mr. Nguyễn Thế Vũ		Giám đốc khối vận hành Director of Operations			15/8/2018		Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 26/08/2025 According to the 20th Amended Enterprise Registration Certificate dated August 26, 2025	Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Director, Legal representative of Vinafco

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Transport and Services Co., Ltd
30.	Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng Vinafco Da Nang One Member Company Limited			ĐKDN số 0401389827 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/11/2010 Enterprise Registration Certificate No. 0401389827 issued by the Department of Planning and Investment of Da Nang City on November 18, 2010	Đường số 5A, khu công nghiệp Hòa Cầm, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Road No. 5A, Hoa Cam Industrial Park, Cam Le Ward, Da Nang City, Vietnam	18/11/2010			Công ty con do VFC sở hữu 100% Ông Bùi Minh Hưng – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của VFC đồng thời là Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng VFC 100% owned subsidiary Mr. Bui Minh Hung – General Director, Legal Representative

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>No. NSH; date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
									<i>e of VFC, concurrently Chairman, Director of Vinafco Da Nang One Member Co., Ltd</i>
31.	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương <i>Vinafco Binh Duong One Member Company Limited</i>			ĐKDN số 3701833950 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/02/2011 <i>Enterprise Registration Certificate No. 3701833950 issued by the Department of Planning and Investment of Binh Duong province on February 18, 2011</i>	Lô N, đường số 26, Khu CN Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>Lot N, Road No. 26, Song Than 2 Industrial Park, Tan Dong Hiep Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	18/2/2011			Công ty con do VFC sở hữu 100% Ông Bùi Minh Hưng – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của VFC đồng thời là Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương <i>VFC 100% owned subsidiary Mr. Bui Minh</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Hung – General Director, Legal Representative of VFC, concurrently Chairman, Director of Vinafco Binh Duong One Member Co., Ltd
32.	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ Vinafco Dinh Vu Logistics Limited Company			ĐKDN số 0200887974 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/2/2011 Enterprise Registration Certificate No. 0200887974 issued by the Department of Planning and Investment of Haiphong City on February 28, 2011	Phòng 227, Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam Room 227, 2 nd Floor, Thanh Dat 1 Building, No. 3 Le Thanh Tong Street, Ngo Quyen Ward, Haiphong City, Vietnam	28/2/2009			Công ty con do VFC sở hữu 100% VFC 100% owned subsidiary

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
33.	Ông/Mr. Vũ Công Tráng		Trưởng bộ phận dự án Head of Project Department			11/10/2017		Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 11/10/2017 According to the 3th Amended Enterprise Registration Certificate dated October 11, 2017	Chủ tịch, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ Chairman, Director, Legal Representative of Vinafco Dinh Vu Logistics Co., Ltd.
34.	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	16/1/2006			Công ty con do VFC sở hữu 81,48% Ông Nguyễn Thái Hòa – Chủ tịch HĐQT của VFC đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>No. NSH; date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
									cổ phần Vận tải biển Vinafco VFC 81,48% owned subsidiary Mr. Nguyen Thai Hoa – Chairman of the BOD of VFC, concurrently Chairman of the BOD of Vinafco Shipping JSC
35.	Ông/ Mr. Đinh Xuân Hưng					01/6/2018		Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 31/05/2018 <i>According to the 10th Amended Enterprise Registration Certificate Certificate dated May 31, 2018</i>	Tổng giám đốc, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật CTCP Vận tải biển Vinafco General Director, Member of BOD, Legal

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Representative of Vinafco Shipping JSC
36.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung Vinafco Central Transport and Services Co., Ltd			ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/8/2012 Enterprise Registration Certificate No. 3100943814 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Binh Province on August 15, 2012	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Cuong Trung C Hamlet, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province, Vietnam	15/8/2012			Công ty con do VFC sở hữu 100% Ông Bùi Minh Hưng – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của VFC đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung VFC 100% owned subsidiary Mr. Bui Minh Hung – General Director,

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Legal Representative of VFC, concurrently Chairman of the Member's Council of Vinafco Central Transport and Services Co., Ltd
37.	Công ty cổ phần Cảng xanh Vinafco Vinafco Green Port Joint Stock Company			ĐKDN số 1102134170 do Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03/12/2025 Enterprise Registration Certificate No. 1102134170 issued by Tay Ninh Provincial Department of Finance on December 03, 2025	CCN Thiên Lộc Thành, Ấp 4, Xã Mỹ Lệ, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Thien Loc Thanh Industrial Cluster, Hamlet 4, My Le Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	3/12/2025			Công ty con do VFC sở hữu gián tiếp 51% thông qua CTCP Vận tải biển Ông Bùi Minh Hưng – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của VFC đồng thời là Chủ tịch HĐQT CTCP Cảng

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									xanh Vinafco VFC 51% indirect ownership through Vinafco Shipping, JSC Mr. Bui Minh Hung – General Director, Legal Representative of VFC, concurrently Chairman of BOD of Vinafco Green Port JSC
38.	Ông/ Mr. Phạm Quang Đỉnh			1		03/12/2025		Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 03/12/2025 According to the initial Enterprise Registration	Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật CTCP Cảng xanh Vinafco General Director,

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>No. NSH; date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
								<i>Certificate Certificate dated December 03, 2025</i>	<i>Legal Representativ e of Vinafco Green Port JSC</i>
39.	Shibusawa Logistics Corporation			ĐKKD số 1631734 do Nhật Bản cấp <i>Enterprise Registration Certificate No. 1631734 issued by Japan</i>	37-28, Eitai 2- Chome, Koto – Ku, Tokyo, Nhật Bản 37-28, Eitai 2- Chome, Koto-Ku, Tokyo, Japan	2014			Cổ đông sở hữu trên 10% số phiếu có quyền biểu quyết <i>Shareholder holding more than 10% of the voting share</i>
40.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam <i>Shibusawa Logistics Vietnam Co., Ltd</i>			ĐKKD số 0309640774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009 <i>Enterprise Registration Certificate number 0309640774 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on November 16, 2009</i>	Số 40 đường Bà Huyện Thanh Quan, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>No. 40 Ba Huyen Thanh Quan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	2014			Công ty con của Shibusawa Logistics Corporation <i>Subsidiary of Shibusawa Logistics Corporation</i>

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Transactions between the company and its affiliated persons or between the company and its major shareholders, internal persons, and affiliated persons.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
1.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0105275178 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội Tu Khoat Village, Thanh Tri Commune, Hanoi City	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Doanh thu cho thuê văn phòng, xe đưa đón/ Revenue from office rental, shuttle services and license:	
							Số lượng/ Quantity:	44
							Giá trị/ Value:	2.648.627.700 VND
2.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0105275178 issued on	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội Tu Khoat Village, Thanh	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Phí dịch vụ vận tải/ Transportation service fees:	
							Số lượng/ Quantity:	467



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction		Ghi chú Note
			January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Tri Commune, Hanoi City			Giá trị/ Value:	24.491.183.807 VND	
3	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transportation and Services Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0106641324 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Doanh thu dịch vụ kho bãi, văn phòng, cho thuê xe/ Revenue from warehouse, office and vehicle rental services:		
							Số lượng/ Quantity:	131	
							Giá trị/ Value:	11.527.593.272 VND	
4	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transportation and Services	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0106641324 issued by the Hanoi Department	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Phí dịch vụ vận tải và cho thuê xe/ Transportation service costs and vehicle rental services:		
							Số lượng/ Quantity:	1045	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction		Ghi chú Note
	Company Limited		of Planning and Investment on January 16, 2006	Ward, Ha noi City			Giá trị/ Value:	140.513.407.751 VND	
5	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transportation and Services Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0106641324 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ Revenue from profit sharing:		
							Số lượng/ Quantity:	1	
							Giá trị/ Value:	6.000.000.000 VND	
6	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transportation and Services Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0106641324 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Lãi cho vay/ Interest:		
							Số lượng/ Quantity:	4	
							Giá trị/ Value:	275.054.795 VND	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
7	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafcotransportation and Services Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0106641324 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Cho vay/ Lend:	
							Số lượng/ Quantity:	6
							Giá trị/ Value:	2.470.000.000 VND
8	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafcocentral Transport and Service Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 Enterprise Registration Certificate No. 3100943814 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Binh Province on August 15, 2012	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị Cuong Trung C Village, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Doanh thu cho thuê phương tiện vận tải/ Revenue from vehicle rental services:	
							Số lượng/ Quantity:	18
							Giá trị/ Value:	5.007.549.600 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction		Ghi chú Note
9	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung Vinafco Central Transport and Service Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 Enterprise Registration Certificate No. 3100943814 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Binh Province on August 15, 2012	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị Cuong Trung C Village, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ Revenue from profit sharing:		
							Số lượng/ Quantity:	1	
							Giá trị/ Value:	1.470.000.000 VND	
10	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung Vinafco Central Transport and Service Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 Enterprise Registration Certificate No. 3100943814 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Binh Province on August 15, 2012	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị Cuong Trung C Village, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Phí dịch vụ vận tải/ Transportation service fees:		
							Số lượng/ Quantity:	94	
							Giá trị/ Value:	32.597.669.191 VND	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
11	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung Vinafco Central Transport and Service Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 Enterprise Registration Certificate No. 3100943814 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Binh Province on August 15, 2012	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị Cuong Trung C Village, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ Revenue from profit sharing:	
							Số lượng/ Quantity:	1
							Giá trị/ Value:	1.470.000.000 VND
12	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Vinafco Logistics Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2003 Enterprise Registration Certificate number 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on July 22, 2003	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Doanh thu dịch vụ kho bãi, văn phòng, cho thuê xe/ Revenue from warehouse, office and vehicle rental services:	
							Số lượng/ Quantity:	17
							Giá trị/ Value:	9.700.867.80 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
13	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafc Logistics Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2003 Enterprise Registration Certificate number 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on July 22, 2003	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Chi phí dịch vụ kho bãi, dịch vụ vận tải/ Warehouse service fee, transportation service costs	
							Số lượng/ Quantity:	145
							Giá trị/ Value:	64.905.795.48 VND
14	Công ty TNHH MTV Vinafc Đà Nẵng Vinafc Da Nang One Member Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0401389827 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/11/2010 Enterprise Registration Certificate number 0401389827 issued by the Department of Planning and	Đường số 5A, khu công nghiệp Hòa Cẩm, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Road No. 5A, Hoa Cam Industrial	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Phí dịch vụ kho bãi/ Warehouse service costs:	
							Số lượng/ Quantity:	36

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction		Ghi chú Note
			Investment of Da Nang City on November 18.2010	Park, Cam Le Ward, Da Nang City, Vietnam			Giá trị/ Value:	1.952.893.746 VND	
15	Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng Vinafco Da Nang One Member Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0401389827 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/11/2010 Enterprise Registration Certificate number 0401389827 issued by the Department of Planning and Investment of Da Nang City on November 18.2010	Đường số 5A, khu công nghiệp Hòa Cẩm, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Road No. 5A, Hoa Cam Industrial Park, Cam Le Ward, Da Nang City, Vietnam	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ Revenue from profit sharing:		
							Số lượng/ Quantity:	1	
							Giá trị/ Value:	2.000.000.000 VND	
16	Công ty TNHH MTV	Công ty con Subsidiary	ĐKDN số 3701833950 do Sở KHĐT tỉnh Bình	Lô N, đường số 26, khu	01/01/2026 -	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT	Phí dịch vụ kho bãi/ Warehouse service costs:		

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction		Ghi chú Note
	Vinafco Bình Dương Vinafco Binh Duong One Member Company Limited	Company	Dương cấp ngày 18/02/2011 Business Registration No. 3701833950 issued by Binh Duong Department of Planning and Investment on February 18, 2011	công nghiệp Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh Lô N, đường số 26, khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh	31/06/2026	ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HĐQT dated December 30, 2025	Số lượng/ Quantity:	24	
							Giá trị/ Value:	4.168.456.558 VND	
17	Công ty TNHH vận tải ASG ASG Transport Company Limited	Doanh nghiệp do công ty mẹ chỉ phối Enterprise controlled by the parent company	ĐKDN số 4601547193 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/10/2019 Enterprise Registration Certificate number 4601547193 issued by the Department of	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên Lot No. 5 - Yen Binh Industrial Park, Van	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HĐQT dated December 30, 2025	Doanh thu dịch vụ vận tải/ Revenue from transportation services:		
							Số lượng/ Quantity:	4	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction		Ghi chú Note
			Planning and Investment of Thai Nguyen province on October 29, 2019	Xuan Ward, Thai Nguyen Province			Giá trị/ Value:	300.456.00 VND	
18	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam Vinafco Logistics Company Limited	Công ty con của cổ đông lớn Subsidiary of Major shareholder	ĐKDN số 0309640774 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009 Enterprise Registration Certificate number 0309640774 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on November 16, 2009	Số 40, Đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam No. 40. Ba Huyen Thanh Quan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	01/01/2026 - 31/06/2026	Nghị quyết 1202/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Resolution No. 1202/2025/NQ/HDQT dated December 30, 2025	Doanh thu dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi và thuê văn phòng/ Revenue from transportation services, warehousing and office rentalservices:		
							Số lượng/ Quantity:	8	
							Giá trị/ Value:	101.849.798 VND	

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại Công ty <i>Position at the Company</i>	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactions</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>		Ghi chú <i>Note</i>
1.	Công ty Cổ phần dịch vụ sân bay Sài Gòn <i>Sai Gon Airfield Services Joint Stock Company</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 <i>Enterprise Registration Certificate number 0107372515 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on March 25, 2016</i>	Khu Dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam <i>Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam</i>	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock</i>	01/01/2026 - 31/06/2026	Doanh thu dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service costs:</i>		
								Số lượng/ <i>Quantity:</i>	2	
								Giá trị/ <i>Value:</i>	37.000.000 VND	
2.	Công ty Cổ phần dịch vụ sân bay Sài Gòn <i>Sai Gon Airfield Services Joint Stock Company</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 <i>Enterprise Registration Certificate number 0107372515 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on</i>	Khu Dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội <i>Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City.</i>	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transportation and Services Company Limited</i>	01/01/2026 - 31/06/2026	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>		
								Số lượng/ <i>Quantity:</i>	12	
								Giá trị/ <i>Value:</i>	6.034.047.80 VND	

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại Công ty <i>Position at the Company</i>	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactions</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>		Ghi chú <i>Note</i>
				March 25, 2016						
3.	Công ty TNHH Dịch vụ hàng không ASG <i>ASG Aviation Services Co., Ltd</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 010924004 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 24/06/2020 <i>Enterprise Registration Certificate number Hanoi Department of Planning and Investment on June 24, 2020</i>	Khu Dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội <i>Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City.</i>	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	01/01/2026 - 31/06/2026	Chi phí khác/ Other Expenses:		
								Số lượng/ Quantity:	1	
								Giá trị/ Value:	2.097.336 VND	
4.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam Shibusawa Logistics Vietnam Co., Ltd	Công ty con của cổ đông lớn <i>Subsidiary of Major shareholder</i>		ĐKDN số 0309640774 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2009 <i>Enterprise Registration Certificate number 0309640774 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on</i>	Số 40, Đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh <i>No. 40. Ba Huyen Thanh Quan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City</i>	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	01/01/2026 - 31/06/2026	Doanh thu dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service costs:</i>		
								Số lượng/ Quantity:	13	
								Giá trị/ Value:	125.254.538 VND	

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại Công ty <i>Position at the Company</i>	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactions</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>		Ghi chú <i>Note</i>
				November 16. 2009						
5.	Công ty Cổ phần Logistics Vietair Vietair Logistics Joint Stock Company	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 0314023199 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/9/2016 <i>Enterprise Registration Certificate number 0314023199 issued by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on September 21, 2016</i>	Tầng 01, Tòa Nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Floor 01, Hai Au Building, 39B Truong Son Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City</i>	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	01/01/2026 - 31/06/2026	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>		
								Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1	
								Giá trị/ <i>Value:</i>	1.681.599.444 VND	
6.	Công ty TNHH Vận tải ASG <i>ASG Transport Company Limited</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 4601547193 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/10/2019 <i>Enterprise Registration Certificate number 4601547193 issued by the Department of Planning and</i>	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên <i>Lot No. 5 - Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province</i>	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	01/01/2026 - 31/06/2026	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>		
								Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1	
								Giá trị/ <i>Value:</i>	4.253.040 VND	



STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại Công ty <i>Position at the Company</i>	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactions</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>		Ghi chú <i>Note</i>
				<i>Investment of Thai Nguyen province on October 29, 2019</i>						
7.	Công ty Cổ phần dịch vụ sân bay Sài Gòn <i>Sai Gon Airfield Services Joint Stock Company</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 <i>Enterprise Registration Certificate number 0107372515 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on March 25, 2016</i>	Khu Dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội <i>Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City.</i>	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung <i>Vinafco Central Transport and Service Company Limited</i>	01/01/2026 - 31/06/2026	Chi phí khác/ <i>Other Expenses:</i>		
								Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1	
								Giá trị/ <i>Value:</i>	1.100.000 VND	

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

Transactions between the Company and other objects:

- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Đã được bao gồm trong mục 2 phía trên.

Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Supervisory Committee, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Included in item 2 above.

- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành: Không có

Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Supervisory Committee, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): None

- 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác: Không có

Other transactions of the Company (if any) may bring material or non - material benefits for members of Board of Directors, members of the Supervisory Committee, Director (General Director) and other managers: None

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)

Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

The list of internal persons and their affiliated persons

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
1	Ông Nguyễn Thái Hòa Mr. Nguyen Thai Hoa		Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors			10.462.369 cổ phần /shares	30,95%	Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần; đại diện: 10.462.369 cổ phần (đại diện phần vốn của

¹ Quan hệ với cổ đông nội bộ tại thời điểm cuối kỳ báo cáo (ngày 31/06/2026)/Relationship with internal person at the end of the period (June 31st, 2026)

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
								CTCP Logistics ASG) Individual ownership: 0 shares; Representati ve: 10,462,369 shares (representing the capital contribution of ASG Logistics Joint Stock Company)
1.1	Ông Nguyễn Trọng Chi Mr. Nguyen Trong Chi					0	0	Bố đẻ Father

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	International Investment Trade and Service Joint Stock Company			0100110052 issued on February 20, 2006, by the Hanoi Department of Planning and Investment	Hanoi City, Vietnam			Thai Hoa is Member of the Board of Directors
1.6	Công ty Cổ phần Logistics ASG ASG Logistics Joint Stock Company			ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 Enterprise Registration Certificate Certificate No. 4601126886 issued on April 18, 2013, by the Thai Nguyen Department of Planning and Investment	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam	17.437.281	51,59%	Ông Nguyễn Thái Hòa là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của Công ty Cổ phần Logistics ASG tại CTCP Vinafco Mr. Nguyen Thai Hoa is member of the Board of Directors, General Director, the authorized

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
								representative managing the capital contribution of ASG Logistics JSC in Vinafco JSC
1.7	Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh Tay Ninh International Logistics Joint Stock Company			ĐKDN số 3901309342 do Sở KH&ĐT tỉnh Tây Ninh cấp ngày 04/01/2021 Enterprise Registration Certificate Certificate No. 3901309342 issued on January 4, 2021, by the Tay Ninh Department of Planning and Investment	Ấp Bùng Bình, xã Hưng Thuận, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Bung Binh Hamlet, Hung Thuan Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	0	0	Ông Nguyễn Thái Hòa là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Mr. Nguyen Thai Hoa is Member of the Board of Directors, General Director
1.8	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate Certificate No. 0105275178 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Thôn Tự Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Vietnam Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Nguyễn Thái Hòa là Chủ tịch HĐQT Mr. Nguyen Thai Hoa is Chairman of the Board of Directors

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
2	Ông NIIBAYASHI NAOKI Mr. NIIBAYASHI NAOKI		Phó Chủ tịch HĐQT Vice Chairman of the Board of Directors			0	0	
2.1	Bà Niibayashi Shoko Mrs. Niibayashi Shoko					0	0	Mẹ đẻ Mother
2.2	Bà Niibayashi Akiko Mrs. Niibayashi Akiko					0	0	Vợ Wife
2.3	Bà Fujii Misa Ms. Fujii Misa					0	0	Con gái Daughter
2.4	Ông Niibayashi Kento Mr. Niibayashi Kento					0	0	Con trai Son

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
2.5	Ông Niibayashi Hideyuki Mr. Niibayashi Hideyuki					0	0	Anh trai Brother
2.6	Bà Niibayashi Tomoko Mrs. Niibayashi Tomoko					0	0	Em gái Sister
2.7	Ông Fujii Ippei Mr. Fujii Ippei					0	0	Con rể Son-in-law
2.8	Ông Morikawa Kazuki Mr. Morikawa Kazuki					0	0	Anh rể Brother-in- law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
2.9	Bà Morikawa Nobuko Mrs. Morikawa Nobuko					0	0	Chị dâu Sister-in-law
2.10	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0105275178 issued on January 16, 2006 by Hanoi Department of Planning and Investment	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tu Khoat Village, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Niibayashi Naoki là Thành viên HĐQT Mr. Niibayashi Naoki is Member of the Board of Directors
3	Ông Đặng Luu Dũng Mr. Dang Luu Dung		Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors			6.974.912 cổ phần /shares	20,64%	Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần; đại diện: 6.974.912 cổ phần (đại diện phần vốn của CTCP Logistics ASG) Individual



STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
								ownership: 0 shares; Representative: 6,974,912 shares (representing the capital contribution of ASG Logistics Joint Stock Company)
3.1	Ông Đặng Đức Lăng Mr. Dang Duc Lang					0	0	Bố đẻ Father
3.2	Bà Lưu Thị Hiệp Mrs Luu Thi Hiep					0	0	Mẹ đẻ Mother
3.3	Bà Hoàng Thị					0	0	Vợ

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	Phuong Nga Mrs. Hoang Thi Phuong Nga							Wife
3.4	Ông Đặng Hoàng Phúc Mr. Dang Hoang Phuc					0	0	Con trai Son
3.5	Ông Đặng Hoàng Đức Mr. Dang Hoang Duc					0	0	Con trai Son
3.6	Ông Hoàng Thọ Quỳnh Mr. Hoang Tho Quynh					0	0	Bố vợ Father-in- law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
3.7	Bà Vũ Thị Thái Mrs. Vu Thi Thai					0	0	Mẹ vợ Mother-in- law
3.8	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG ASG Corporation			ĐKDN số 0104960269 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/10/2010 Enterprise Registration Certificate No. 0104960269 issued on October 22, 2010, by Hanoi Department of Planning and Investment	Khu dịch vụ logistics, Cảng HK Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội Logistics Service area, Noi Bai Ward, Soc Son District, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Đặng Lưu Dũng là thành viên HĐQT Mr. Dang Luu Dung is Member of the Board of Directors
3.9	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0105275178 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tu Khoat Village, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Đặng Lưu Dũng là thành viên HĐQT Mr. Dang Luu Dung is Member of Board of Directors
3.10	Công ty Cổ phần In Holdings In Holdings Corporation			ĐKDN số 0316001264 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/2019 Enterprise Registration Certificate No. 0316001264 issued on November 06, 2019, by Ho Chi Minh Department of	194 Hoàng Văn Thụ, Phường Đức Nhuận, Thành phố. Hồ Chí Minh, Việt Nam 194 Hoang Van Thu, Duc Nhuan Ward, Ho Chi Minh City, Việt Nam	0	0	Ông Đặng Lưu Dũng là thành viên Ban Kiểm soát Mr. Dang Luu Dung is Member of



STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
				Planning and Investment				Supervisory Committee
3.11	Công ty Cổ phần Logistics ASG ASG Logistics Joint Stock Company			ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 Business Registration Certificate No. 4601126886 issued by the Thai Nguyen Department of Planning and Investment on April 18, 2013.	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam	17.437.281	51,59%	Ông Đặng Luu Dũng là người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của Công ty Cổ phần Logistics ASG tại CTCP Vinafco Mr. Dang Luu Dung is the authorized representative managing the capital contribution of ASG Logistics JSC in Vinafco JSC
4	Ông Takahashi Shinichi Mr. Takahashi Shinichi		Thành viên Hội đồng quản trị Member of Board of			0	0	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
			Directors					
4.1	Bà Takahashi Hatsuko Mrs. Takahashi Hatsuko					0	0	Mẹ đẻ Mother
4.2	Bà Takahashi Yoko Mrs. Takahashi Yoko					0	0	Vợ Wife
4.3	Takahashi Wataru					0	0	Con đẻ Offspring
4.4	Takahashi Mariko					0	0	Con đẻ Offspring
5	Ông Lý Lâm Duy Mr. Ly Duy Lam					0	0	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
5.1	Ông Lý Thái Long Mr. Ly Thai Long					0	0	Bố đẻ Father
5.2	Bà Trần Minh Nga Mrs. Tran Minh Nga					0	0	Mẹ đẻ Mother
5.3	Bà Lý Diễm My Mrs. Ly Diem My					0	0	Em gái Sister
5.4	CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh Cam Ranh International Airport			ĐKDN số 4200810665 do Sở KHĐT tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 14/01/2009 Enterprise Registration Certificate No. 4200810665 issued on January 14, 2009, by	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam Cam Ranh International Airport, Bac Cam Ranh	0	0	Ông Lý Lâm Duy là Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Mr. Ly Lam

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	Services JSC			Khanh Hoa Department of Planning and Investment	Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam			Duy is Member of the Board of Directors, Director
5.5	CTCP Tư vấn và Đào tạo Cây Sồi Việt Viet Oak Tree Training and Consulting Corporation			ĐKDN số 4201816557 do Sở KHĐT tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 19/10/2018 Enterprise Registration Certificate No. 4201816557 issued on October 19, 2018, by Khanh Hoa Department of Planning and Investment	L22-2 KĐT An Bình Tân, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam L22-2 An Binh Tan Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam	0	0	Ông Lý Lâm Duy là Tổng giám đốc Công ty Mr. Ly Lam Duy is General Director
6	Ông Nguyễn Đức Vũ Mr. Nguyen Duc Vu		Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors			0	0	
6.1	Bà Bé Linh Chi Mrs. Be Linh Chi					0	0	Vợ/ Wife
6.2	Nguyễn Vũ					0	0	Con gái/

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	Phương Linh Mrs Nguyen Vu Phuong Linh							Daughter
6.3	Ông Nguyễn Đức Hạnh Mr. Nguyen Duc Hanh					0	0	Bố đẻ/ Father
6.4	Bà Nguyễn Thị Thu Mrs. Nguyen Thi Thu					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
6.5	Ông Nguyễn Đức Long Mr. Nguyen Duc Long					0	0	Em trai/ Brother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
6.6	Bà Lê Thị Hà Mrs. Le Thi Ha					0	0	Em dâu/ Sister-in-law
6.7	Ông Bé Anh Tuấn Mr. Be Anh Tuan					0	0	Bố vợ/ Father-in- law
6.8	Bà Lương Thị Ái Vân Mrs. Luong Thi Ai Van					0	0	Mẹ vợ/ Mother-in- law
6.9	Bà Bé Yến Nhi Mrs Be Yen Nhi					0	0	Em vợ/ Sister-in-law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
7	Bà Nguyễn Thị Huyền Oanh Mrs. Nguyen Thi Huyen Oanh		Trưởng BKS Head of the Supervisory Committee			0	0	
7.1	Ông Nguyễn Đức Hùng Mr. Nguyen Duc Hung					0	0	Bố đẻ Father
7.2	Bà Nguyễn Thị Chanh Mrs. Nguyen Thi Chanh					0	0	Mẹ đẻ Mother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
7.3	Ông Nguyễn Quốc Hưng Mr. Nguyen Quoc Hung					0	0	Anh ruột Brother
7.4	Ông Ngô Tuấn Hợp Mr. Ngo Tuan Hop					0	0	Chồng Husband
7.5	Ông Ngô Tuấn Bách Mr. Ngo Tuan Bach					0	0	Con trai Son

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
7.6	Ông Ngô Lâm Tùng Mr. Ngo Lam Tung					0	0	Con trai Son
7.7	Bà Trần Thị Hòa Mrs. Tran Thi Hoa					0	0	Mẹ chồng Mother-in- law
7.8	Bà Chu Thu Phuong Mrs. Chu Thu Phuong					0	0	Chị dâu Sister-in-law
7.9	Bà Nguyễn Thu Hương Mrs. Nguyen Thu Huong					0	0	Em dâu Sister-in-law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
7.10	Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành Long Thanh Investment and Consultant Joint Stock Company			ĐKDN số 0107965843 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp ngày 16/8/2017 Enterprise Registration Certificate No. 0107965843 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on August 16, 2017	Tầng 7, tòa nhà Plaschem, số 562 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Hà Nội 7 th Floor, Plaschem Building, 562 Nguyen Van Cu, Bo De Ward, Hanoi	0	0	Bà Nguyễn Thị Huyền Oanh là Giám đốc Công ty Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh is Director
7.11	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế International Investment Trade and Service Joint Stock Company			ĐKDN số 0100110052 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/02/2006 Enterprise Registration Certificate Certificate No. 0100110052 issued on February 20, 2006, by the Hanoi Department of Planning and Investment	Số 17 đường Phạm Hùng, phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam No. 17 Pham Hung Street, Cau Giay Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0	Bà Nguyễn Thị Huyền Oanh là thành viên HĐQT Mrs. Nguyen Thi Huyen Oanh is Member of Board of Directors

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
7.12	CTCP tập đoàn ASG ASG Corporation			ĐKDN số 01044960269 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp 22/10/2010 Enterprise Registration Certificate No. 01044960269 issued on October 22, 2010, by Hanoi Department of Planning and Investment	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Logistics Service area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Bà Nguyễn Thị Huyền Oanh là thành viên HĐQT Mrs. Nguyen Thi Huyen Oanh is Member of Board of Directors
8	Bà Trần Thị Nhuong Mrs. Tran Thi Nhuong		Thành viên BKS Member of the Supervisory Committee			0	0	
8.1	Ông Nguyễn Anh Tuấn Mr. Nguyen Anh Tuan					0	0	Chồng Husband
8.2	Ông Nguyễn Viết Phúc Lâm					0	0	Con trai Son

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	Mr. Nguyen Viet Phuc Lam							
8.3	Bà Nguyễn Thanh Trà Ms. Nguyen Thanh Tra					0	0	Con gái Daughter
8.4	Bà Nguyễn Trà Giang Ms. Nguyen Tra Giang					0	0	Con gái Daughter
8.5	Ông Trần Văn Dũng Mr. Tran Van Dung					0	0	Bố đẻ Father

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
8.6	Bà Nguyễn Thị Nhũ Mrs. Nguyen Thi Nhu					0	0	Mẹ đẻ Mother
8.7	Bà Trần Thị Mai Mrs. Tran Thi Mai					0	0	Em gái Sister
8.8	Ông Ninh Văn Sức Mr. Ninh Van Suc					0	0	Em rể Brother-in- law
8.9	Bà Nguyễn Thị Nga Mrs. Nguyen Thị Nga					0	0	Mẹ chồng Mother-in- law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
8.10	CTCP Dịch vụ Sân bay Sài Gòn Sai Gon Airfield Services Joint Stock Company			ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 Enterprise Registration Certificate No. 0107372515 issued on March 25, 2016, by Hanoi Department of Planning and Investment	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Logistics Service area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Bà Trần Thị Nhuòng là Thành viên BKS Mrs. Tran Thi Nhung is Member of the Supervisory Committee
8.11	Công ty cổ phần giao nhận A Plus A Plus Freight Joint Stock Company			ĐKDN số 0104960269 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp 22/10/2010 Enterprise Registration Certificate No. 01044960269 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on October 22, 2010	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Logistics Service area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Bà Trần Thị Nhuòng là Thành viên BKS Mrs. Tran Thi Nhung is Member of the Supervisory Committee
8.12	CTCP tập đoàn ASG ASG Corporation			ĐKDN số 01044960269 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp 22/10/2010 Enterprise Registration Certificate No. 01044960269	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Logistics Service area,	0	0	Bà Trần Thị Nhuòng là Thành viên BKS Mrs. Tran

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
				issued on October 22, 2010, by Hanoi Department of Planning and Investment	Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam			Thi Nhung is Member of the Supervisory Committee
9	Bà Trần Thị Thu Hương Mrs. Tran Thi Thu Huong		Thành viên BKS Member of the Supervisory Committee			0	0	
9.1	Ông Trần Anh Thương Mr. Tran Anh Thuong					0	0	Bố đẻ Father

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
9.2	Bà Tạ Thị Len Mrs. Ta Thi Len					0	0	Mẹ đẻ Mother
9.3	Ông Trần Tuấn Đạt Mr. Tran Tuan Dat					0	0	Em trai Brother
9.4	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0105275178 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Bà Trần Thị Thu Hương là Trưởng BKS Mrs. Tran Thi Thu Huong is Head of SC

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
10	Bà Tạ Thi Thu Hương Mrs Ta Thi Thu Huong					0	0	
10.1	Ông Tạ Quang Học Mr. Ta Quang Hoc					0	0	Bố đẻ Father
10.2	Bà Bùi Thị Kiều Mrs. Bùi Thị Kieu					0	0	Mẹ đẻ Mother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
10.3	Bà Vũ Thị Hùng Mrs. Vu Thi Hung					0	0	Mẹ chồng Mother-in-law
10.4	Ông Hà Việt Cường Mr. Ha Viet Cuong					0	0	Chồng Husband
10.5	Bà Hà Bảo Bình Mrs. Ha Bao Binh					0	0	Con gái Daughter
10.6	Ông Hà Ý Bình Mr. Ha Y Binh					0	0	Con trai Son

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
10.7	Ông Tạ Quang Hải Mr. Ta Quang Hai					0	0	Anh trai Brother
10.8	Công ty cổ phần Logistics ASG ASG Logistics JSC			ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 Enterprise Registration Certificate No. 4601126886 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on April 18, 2013	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam	6.100	6.100	Bà Tạ Thị Thu Hương – Phụ trách kế toán Công ty Ms. Ta Thi Thu Huong – Chief Accountant in Charge
11	Ông Bùi Minh Hưng Mr. Bui Minh Hung		Tổng giám đốc General Director			0	0	
11.1	Bà Phạm Thị Phương Mrs. Pham Thi					0	0	Vợ Wife

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	Phuong							
11.2	Ông Bùi Bảo Hoàng Mr. Bui Bao Hoang					0	0	Con trai Son
11.3	Ông Bùi Minh Chính Mr. Bui Minh Chinh					0	0	Bố đẻ Father

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
11.4	Ông Phạm Trọng Tín Mr. Pham Trong Tin					0	0	Bố vợ Father-in- law
11.5	Bà Nguyễn Thị Sáo Mrs. Nguyen Thi Sao					0	0	Mẹ vợ Mother-in- law
11.6	Bà Phạm Thị Thư Mrs. Pham Thi Thu					0	0	Em vợ Sister-in-law
11.7	Bà Phạm Thị Nga					0	0	Chị vợ Sister-in-law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	Mrs. Pham Thi Nga							
11.8	Ông Bùi Minh Hải Mr. Bui Minh Hai					0	0	Em trai Brother
11.9	Nguyễn Thị Ngọc Mrs. Nguyen Thi Ngoc					0	0	Em dâu Sister-in-law
11.10	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương Vinafco Binh Duong One			ĐKDN số 3701833950 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/02/2011 Enterprise Registration Certificate Certificate No. 3701833950 issued on February	Lô N, đường số 26, Khu CN Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Lot N, Road No. 26, Song Than 2 Industrial	0	0	Ông Bùi Minh Hung là Chủ tịch, Giám đốc công ty Mr. Bui Minh Hung is

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	Member Company Limited			18, 2011 by the Binh Duong Department of Planning and Investment	Park, Tan Dong Hiep Ward, Ho Chi Minh City,			Chairman, Director
11.11	Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng Vinafco Da Nang One Member Company Limited			ĐKDN số 0401389827 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/11/2010 Enterprise Registration Certificate No. 0401389827 issued on November 18, 2010, by the Department of Planning and Investment of Da Nang City	Đường số 5A, khu công nghiệp Hòa Cẩm, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Road No. 5A, Hoa Cam Industrial Park, Cam Le Ward, Da Nang City, Vietnam	0	0	Ông Bùi Minh Hung– Chủ tịch, Giám đốc Công ty Mr. Bui Minh Hung is Chairman, Director
11.12	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transport and Services Co., Ltd			ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0106641324 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 33C Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Bùi Minh Hung là Chủ tịch Công ty Mr. Bui Minh Hung is Chairman
11.13	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Vinafco Logistics Company Limited			ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/7/2003 Enterprise Registration Certificate No. 0106641275 issued on July 22, 2003, by Hanoi Department of Planning and Investment	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 33C Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Bùi Minh Hung là Chủ tịch Công ty Mr. Bui Minh Hung is Chairman

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
11.14	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd.			ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 Enterprise Registration Certificate Certificate No. 3100943814 issued on August 15, 2012, by the Quang Binh Department of Planning and Investment	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Cuong Trung C Hamlet, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province, Vietnam	0	0	Ông Bùi Minh Hưng là Chủ tịch Hội đồng thành viên Bui Minh Hung is Chairman of the Member's Council
11.15	Công ty cổ phần Cảng xanh Vinafco Vinafco Green Port Joint Stock Company			ĐKDN số 1102134170 do Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03/12/2025 Enterprise Registration Certificate No. 1102134170 issued on December 03, 2025, by Tay Ninh Provincial Department of Finance	CCN Thiên Lộc Thành, Ấp 4, Xã Mỹ Lệ, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Thien Loc Thanh Industrial Cluster, Hamlet 4, My Le Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	0	0	Ông Bùi Minh Hưng là Chủ tịch HĐQT Mr. Bui Minh Hung - Chairman of the BOD
12	Ông Nguyễn Huy Dương Mr. Nguyen Huy Duong		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director			0	0	
12.1	Ông Nguyễn Văn Hưởng Mr. Nguyen					0	0	Bổ đề

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	Van Huong							Father
12.2	Bà Phạm Thị Hoà Mrs. Pham Thi Hoa					0	0	Mẹ đẻ Mother
12.3	Bà Nguyễn Lê Thị Mrs. Nguyen Le Thi					0	0	Vợ Wife
12.4	Nguyễn Dương Đình Đình Nguyen Duong Dinh Dinh					0	0	Con đẻ Offspring
12.5	Bà Nguyễn Hương Lan Mrs. Nguyen Huong Lan					0	0	Em gái Sister

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
12.6	Ông Tống Ngọc Minh Mr. Tong Ngoc Minh					0	0	Em rể Brother-in- law
13	Ông Nguyễn Minh Đạt Mr. Nguyen Minh Dat		Giám đốc Tài chính Công ty Chief Financial Officer of the Corporation			0	0	
13.1	Ông Nguyễn Doãn Bôn Mr. Nguyen Doan Bon					0	0	Bố đẻ Father
13.2	Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung					0	0	Mẹ đẻ Mother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	Mrs. Nguyen Thi My Dung							
13.3	Bà Nguyễn Kim Hoa Mrs. Nguyen Kim Hoa					0	0	Vợ Wife
13.4	Nguyễn Minh An					0	0	Con đẻ Offspring
13.5	Bà Nguyễn Minh Thu Mrs. Nguyen Minh Thu					0	0	Em gái Sister

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
13.6	Bà Nguyễn Thị Kim Nhưng Mrs. Nguyen Thi Kim Nhưng			((		0	0	Mẹ vợ Mother-in- law
13.7	Ông Nguyễn Đỗ Kiên Mr. Nguyen Do Kien			((		0	0	Bố vợ Father-in- law
14	Bà Lê Thị Minh Phương Mrs Le Thi Minh Phuong		Kế toán trưởng Chief Accountant	(		0	0	
14.1	Ông Bạch Long Mr. Bach Long					0	0	Chồng Husband

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
14.2	Bạch Minh Đức Mr. Bach Minh Duc					0	0	Con trai Son
14.3	Bạch Phương Linh Mrs. Bach Phuong Linh					0	0	Con gái Daughter
14.4	Bà Lê Phương Hồng Mrs. Le Phuong Hong					0	0	Chị ruột Sister

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
14.5	Bà Lê Thị Châu Viên Mrs. Le Thi Chau Vien					0	0	Chị ruột Sister
14.6	Bà Lê Thị Nội Hà Mrs. Le Thi Noi Ha					0	0	Chị ruột Sister
14.7	Ông Lê Văn Long Mr. Le Van Long					0	0	Anh ruột Brother
14.8	Bà Lê Phương Giang					0	0	Chị ruột Sister

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
	Mrs. Le Phuong Giang							
14.9	Ông Nguyễn Lương Tường Mr. Nguyen Luong Tuong					0	0	Anh rể Brother- in- law
14.10	Ông Trần Tất Thủy Mr. Tran Tat Thuy					0	0	Anh rể Brother- in- law
14.11	Ông Nguyễn Đức Sinh Mr. Nguyen Duc Sinh					0	0	Anh rể Brother- in- law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
14.12	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Enterprise Registration Certificate No. 0105275178 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Bà Lê Thị Minh Phương là Thành viên BKS Mrs. Le Thi Minh Phuong is Member of SC
15	Ông Nguyễn Xuân Thịnh Mr. Nguyen Xuan Thinh		Người phụ trách quản trị Công ty/Người được ủy quyền công bố thông tin Corporate Governance Officer/Authori zed Disclosure Representative			0	0	
15.1	Bà Nguyễn Thị Ngo Mrs. Nguyen Thi Ngo					0	0	Mẹ Mother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
15.2	Ông Nguyễn Văn Ty Mr. Nguyen Van Ty					0	0	Bố đẻ Father
15.3	Bà Nguyễn Thị Nga Mrs. Nguyen Thi Nga					0	0	Vợ Wife
15.4	Bà Nguyễn Khánh An Ms. Nguyen Khanh An					0	0	Con gái Daughter

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
15.5	Ông Nguyễn Xuân Duy Khang <i>Mr. Nguyen Xuan Duy Khang</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>
15.6	Ông Nguyễn Duy Hoạch <i>Mr. Nguyen Duy Hoach</i>					0	0	Bố vợ <i>Father-in- law</i>
15.7	Bà Nguyễn Thị Xuyên <i>Mrs. Nguyen Thi Xuyen</i>					0	0	Mẹ vợ <i>Mother-in- law</i>

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
16	Bà Nguyễn Thuý Hà <i>Mrs. Nguyen Thuy Ha</i>		Thư ký Công ty <i>Company Secretary</i>			0	0	
16.1	Nguyễn Văn Long <i>Mr. Nguyen Van Long</i>					0	0	Bố đẻ <i>Father</i>
16.2	Nguyễn Thị Thúy <i>Mrs. Nguyen Thi Thuy</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
16.3	Nguyễn Thị Hương Mrs. Nguyen Thi Huong					0	0	Em gái Sister
16.4	Nguyễn Văn Lộc Mr. Nguyen Van Loc					0	0	Em trai Brother
16.5	Nguyễn Văn Quyết Mr. Nguyen Van Quyet					0	0	Bố chồng Father-in- law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
16.6	Đào Thị Huệ Mrs. Dao Thi Hue					0	0	Mẹ chồng Mother-in- law
16.7	Nguyễn Minh Tâm Mr. Nguyen Minh Tam					0	0	Chồng Husband
16.8	Nguyễn Phúc Thành Mr. Nguyen Phuc Thanh					0	0	Con trai Son

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú ¹ Note
16.9	Nguyễn Hà Kiều Anh Ms. Nguyen Ha Kieu Anh					0	0	Con gái Daughter
16.10	Ông Nguyễn Văn Lộc Mrs. Nguyen Van Loc					0	0	Em rể Brother-in- law
16.11	Bà Ma Thị Diễm Ms. Ma Thi Diem					0	0	Em dâu Sister- in- law

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: None

Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

Other significant issues: None

Nơi nhận/ Recipients:

- SGDCKHN, UBCKNN/ The Stock Exchange, The State Securities Commission;
- Lưu/ Archives: VT/ Clerical Department.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



NGUYỄN THÁI HÒA